

TÌNH TRẠNG KHÓ KHĂN CỦA XÃ HỘI DÂN SỰ THỜI KỲ HẬU HIỆN ĐẠI VÀ NHỮNG MONG ĐỢI, NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH CỦA PHẬT GIÁO

Ts. Neelima Dahiya^(*)

VỀ MẶT LÝ THUYẾT

Xã hội công dân hậu hiện đại trên toàn cầu đang đối mặt với những tình thế khó khăn đa chiều ghê gớm. Trật tự xã hội, dựa trên hành vi lấy con người làm trung tâm và nhân đạo, chịu trách nhiệm cho việc làm suy thoái các giá trị chuẩn mực và hệ thống đạo đức; bất bình đẳng kinh tế xã hội; và một trật tự xã hội một mặt đầy mâu thuẫn và xung đột và mặt khác là việc sử dụng quá mức vô lý các nguồn tài nguyên có thể tái chế và không tái chế.

Sự thiếu giải pháp hợp lý cho những mâu thuẫn và xung đột này, xã hội dân sự hậu hiện đại đang gặp phải nhiều biểu hiện của sự bất hợp lý như khủng bố, chủ nghĩa cực đoan chủ nghĩa tiêu dùng tràn lan, ô nhiễm môi trường và suy thoái sinh thái, sự vô cảm đối với thế giới động vật, nuôi cấy thủy sản và ô nhiễm dòng

* Professor of Ancient Indian History and Culture (Rtd), M.D. University, Rohtak, India,
Người dịch: Phạm Minh Ngọc

chảy tự nhiên.. có ý nghĩa nghiêm trọng đối với hòa bình, hòa hợp và phát triển bền vững.

Nếu những sự thay đổi thoái hóa như vậy được cho phép tiếp tục không suy giảm, sớm hay muộn, sẽ có một dấu hỏi lớn ngay cả về sự sống còn của sự sống trên Trái đất, nói gì nhiều đến giấc mơ ấp ủ về sự phát triển bền vững. Để cứu Trái đất khỏi ngày tận thế, điều bắt buộc là các nhà khoa học, các triết gia, nhà hoạch định chính sách và người dân nhận thức rằng: cần phải có biện pháp khắc phục khẩn cấp và những hành động để kiểm tra ngay quá trình thoái hóa .

Như chúng ta biết rằng nhiều nhóm các nhà khoa học, triết gia, nhà hoạch định chính sách và nhà hoạt động xã hội trên toàn thế giới đang tham gia vào việc truyền bá nhận thức, đề xuất những cách thức và phương tiện khả thi để ngăn chặn sự tàn hoại và cứu vãn thiệt hại. Tương tự như vậy, tôn giáo với quyền năng đạo đức của nó cũng có thể đóng vai trò là chất xúc tác trong việc khôi phục và duy trì độ tinh khiết của môi trường, cân bằng sinh thái, hòa bình và hài hòa trên toàn cầu.

Một nghiên cứu chuyên sâu về văn học Phật giáo đã làm sáng tỏ mối quan tâm của Phật giáo về một loạt các vấn đề liên quan đến xã hội, môi trường, hệ sinh thái và sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng (Thuyết Duyên khởi). Điều đó cho thấy rằng Phật, cách đây 2.600 năm, có thể dự đoán rằng sự thoái hóa bắt đầu từ hành vi của con người bị lừa dối, nếu không được sửa chữa, cuối cùng sẽ đưa loài người vào tình thế khó khăn: tình thế tiến thoái lưỡng nan.

Trong các tài liệu Phật giáo thường xuyên có các tài liệu tham khảo về các biện pháp phòng ngừa khác nhau để giữ sạch môi trường. Chúng tôi cũng tìm thấy các đề xuất và minh họa về các hành động khắc phục để đảm bảo nơi ở an toàn và chắc chắn cũng như thực phẩm và nước cho tất cả các sinh vật bao gồm cả các vi sinh vật. Nếu chúng ta kết hợp các nguyên lý, nguyên tắc, hệ thống

đạo đức, thực tiễn và mối quan tâm của Phật giáo, chúng ta có thể nhận thức rõ ràng rằng triết học Phật giáo đã tập trung vào Trái đất và trung tâm sinh thái để chống lại bản chất trung tâm của con người trong cấu trúc xã hội dân sự hiện đại.

Như chúng ta biết rằng nhiều nhóm các nhà khoa học, triết gia, nhà hoạch định chính sách và nhà hoạt động xã hội trên toàn thế giới đang tham gia vào việc truyền bá nhận thức, đề xuất những cách thức và phương tiện khả thi để ngăn chặn sự tàn hoại và cứu vãn thiệt hại. Tương tự như vậy, tôn giáo với quyền năng đạo đức của nó cũng có thể đóng vai trò là chất xúc tác trong việc khôi phục và duy trì độ tinh khiết của môi trường, cân bằng sinh thái, hòa bình và hài hòa trên toàn cầu.

Xã hội công dân hậu hiện đại trên toàn cầu đang nằm trong tầm kiểm soát của những vũng lầy đa chiều ghê gớm. Sự khó chịu đang được cảm nhận gần như ở tất cả các mặt trận - xã hội, kinh tế, văn hóa, môi trường, sinh thái. Trật tự xã hội, dựa trên hành vi lấy con người làm trung tâm và nhân loại, một mặt chịu trách nhiệm cho sự suy thoái liên tục về các giá trị đạo đức và hệ thống đạo đức, mặt khác là sự lạm dụng quá mức các nguồn tài nguyên có thể tái tạo và không tái tạo.

Xã hội công dân ngày nay đang chịu áp lực và căng thẳng lớn. Nỗi sợ hãi về sự sụp đổ của nền an ninh là mối quan tâm nóng bỏng của xã hội đương đại. Do sự suy đồi về đạo đức, xã hội bị ảnh hưởng bởi một cuộc khủng hoảng đa hướng. Chiến tranh đang được biện minh dưới danh nghĩa của công lý và dân chủ. Khủng bố được duy trì để đáp ứng những động cơ thâm lạng. Cả xã hội phát triển và đang phát triển đối mặt với sự xói mòn các giá trị nhân văn, đạo đức và chuẩn mực. Sự hiện diện liên tục của khủng bố toàn cầu, bạo lực, tham nhũng, phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa cơ bản tôn giáo, tội ác chống lại phụ nữ và trẻ em, phi hạt nhân hóa, quân sự hóa, khủng hoảng an ninh chuỗi lương thực, bèn lè xã hội và thiếu thốn, đang khiến Trái đất trở thành một nơi khốn khổ

để sống. Chúng tôi thấy rằng phần lớn ngân sách của một quốc gia đang được phân bổ cho quân sự hóa với chi phí phát triển xã hội. Một cách sử dụng khác của việc phân bổ như vậy có thể hoạt động như một “cây đũa thần” để xóa mù chữ, cải thiện, chăm sóc sức khỏe, và cung cấp an sinh xã hội cơ bản. Xã hội hậu hiện đại đã bị nhấn chìm vào sự bất bình đẳng cao. Chỉ 20% dân số hàng đầu đang sử dụng hơn 85% nguồn tài nguyên. Tất cả các tội phạm phổ biến tại nơi công cộng, nơi làm việc, tội phạm trên đường và tội phạm ở mặt trận trong nước. Một nghiên cứu gần đây cho thấy rằng một không ít các gia đình, môi trường ở nhà căng thẳng hơn ở nơi làm việc. “Danh dự giết chết”, một linh hồn gây ra tội ác, được tìm thấy ở hơn 40 quốc gia, đang được thực hiện bởi các thành viên trong gia đình. Trong hầu hết các vụ hiếp dâm lại hầu hết có liên quan đến người thân hoặc bạn bè thân thiết.

Nền kinh tế hiện đại dựa trên chủ nghĩa tiêu dùng không kiểm soát và khai thác tàn nhẫn các nguồn tài nguyên có thể và không thể tái chế. Tăng trưởng và tiêu thụ không giới hạn thì không bền vững và có khả năng tự hủy hoại. Một số lượng lớn các thí nghiệm được thực hiện ở Nam Á đã tiết lộ rằng khả năng cung cấp dinh dưỡng của hầu hết các loại đất đã bị cạn kiệt hoặc đang trong quá trình sử dụng đất nông nghiệp. Nếu tình trạng như vậy được cho phép tồn tại, thế giới có thể sớm phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng lương thực nghiêm trọng¹. Ở các nền kinh tế đang phát triển, khủng hoảng lương thực có một số khía cạnh thách thức khác: Lạm dụng thuốc trừ sâu, phân bón hóa học, sử dụng nước thải chưa được xử lý hoặc nước sông, kênh trộn với nước thải công nghiệp có hại cùng các loại chất gây ô nhiễm khác đã làm hỏng ngũ cốc, rau và trái cây có hóa chất độc hại cao hơn nhiều so với mức an toàn cho con người. Một số nghiên cứu gần đây về sữa bò cho thấy ngay cả sữa bò, được sản xuất trong điều kiện vệ sinh tiêu chuẩn, cũng có một số ô nhiễm do thức ăn được sử dụng. Các hóa

1. SAARC Workshop on nutrients use held at CSSRI, Karnal, Tribune, dated 10-09-09

chất độc hại trong thức ăn gia súc đến cơ thể của bò và cuối cùng đi vào sữa. Do đó, kinh tế học hiện đại hoàn toàn dựa trên nguyên tắc hướng đến lợi nhuận mà không quan tâm đến tác động của nó đối với con người và môi trường.

Việc sử dụng quá mức vật liệu tác hại lớn cho môi trường và khai thác tài nguyên thiên nhiên bừa bãi đã dẫn đến sự phá vỡ môi trường nghiêm trọng, tàn phá sinh thái. Những tác động bất lợi này ban đầu có thể chậm và thậm chí không thể nhận ra nhưng với thời gian trôi qua đã giả định nhiều khía cạnh nghiêm trọng. Tất cả chúng ta đều có thể thấy rằng tác động của nó đối với sinh thái học đã trở thành đại dịch trong tự nhiên và những tác động hủy hoại. Ví dụ, vào cuối Chiến tranh Thế giới Thứ nhất, đại dịch cúm ban đầu bùng phát ở mặt trận phía Tây và từ đó chôn vùi những chiếc nanh độc của nó trên khắp thế giới¹. Một ví dụ gần đây là bệnh cúm lợn đã bùng phát ở Mexico trước tiên và sau đó lan xuống nhiều nơi khác trên thế giới thông qua Hoa Kỳ. C. S. Elton, để làm nổi bật trọng lực của các mối đe dọa của sự tàn phá sinh thái, một cụm từ gọi là “Vụ nổ sinh thái”². Sự ham muốn, tham lam và khao khát vô độ đối với vật chất và công nghiệp hóa điên cuồng đã dẫn đến những lỗ hổng trong tầng ozone của khí quyển gây ra sự nóng lên toàn cầu, tuyết tan, sông băng rút, lũ lụt, thường xuyên phun trào núi lửa, động đất, sóng thần, và gia tăng ô nhiễm âm thanh, không khí, nước. Sự nóng lên toàn cầu và khí thải nhà kính đã trở thành nguyên nhân của nhân loại. Các sinh vật được định sẵn để tiêu thụ các chất độc hại và hít phải các loại khí độc hại cho sức khỏe như carbon dioxin và carbon monoxide. Một phần tư nhân loại không được tiếp cận với nước uống sạch. Hàng triệu người chết mỗi năm do các bệnh truyền qua nước. Ủy ban Thế giới về Nước trong 4 năm thế kỷ 21 cho rằng 50% các dòng sông lớn của thế giới đang cạn kiệt hoặc bị ô nhiễm. Lưu vực sông Muray Muray

1. Elton, Charles, S, *The Ecology of invasions by animals and plants*, Methuen & Ltd, London, reprinted, 1966, p 15

2. *ibid*

- Darling, Úc bị căng thẳng do phân bố quá mức nước và thay đổi khí hậu. Ở Ấn Độ, dòng sông Sarasvati đã biến mất. Yamuna đã bị giảm từ dòng chảy lâu năm sang dòng chảy theo mùa và Ganga đã bị ô nhiễm sau khi sửa chữa¹. Kể từ sự tiến hóa của con người trên Trái đất, các loài động vật là hệ thống hỗ trợ tuyệt vời của loài người, trước đó là con mồi của loài người và sau đó là nguồn kinh tế và giải trí tuyệt vời. Động vật đã đóng góp một cách đáng kể trong sự phát triển thực tế mọi khía cạnh của nền văn minh nhân loại, nhưng chúng đã và luôn nhận sự đối xử mà chúng không đáng phải nhận. Carol Adams², một học giả nổi tiếng, quan sát và đã thể chế hóa sự áp bức của động vật ít nhất ở hai cấp độ: 1. Trong các cấu trúc chính thức như nhà giết mổ, chợ thịt, vườn thú, phòng thí nghiệm và rạp xiếc. 2. Thông qua ngôn ngữ của chúng ta. Như Colman McCarthy³ đã chỉ ra rằng ngôn ngữ định hình thái độ và thái độ định hình hành vi. Chúng ta gọi những loài động vật khác bằng tên theo nghĩa xúc phạm như chó, lợn, lừa, khi, cáo, vân vân và vân vân và buộc tội lẫn nhau bằng cách dùng hình thức mỉa mai tương tự rần trong tay áo (aastiin ka saap), cứng đầu như một con la (adial Ghoda). Nó phản ánh hành vi nhẫn tâm của chúng ta đối với động vật. Các động vật đã trở thành đối tượng sử dụng của con người, một phương tiện sản xuất hàng hóa và sản xuất thặng dư. Hàng triệu động vật mỗi năm được sử dụng trong các trường học, cao đẳng, đại học, và trong các viện nghiên cứu cho mục đích giảng dạy và nghiên cứu. Tất cả các loại thuốc ở giai đoạn thử nghiệm được sử dụng trên động vật trước khi tuyên bố chúng an toàn hoặc bằng cách khác cho con người. Hàng triệu động vật phải chịu đựng và chết trong phòng thí nghiệm vì sự giải phẫu sống. Sự phá rừng bừa bãi không có kế hoạch và phủ nhận lớp vỏ trên của Trái đất,

1. Eccles, B, Towards understanding of the primary ecological challenges of 21 century; The Activist, vol. 16, No 2 (on line) available at www.theactivist.org
2. SAdams, Carol J, The Sexual Politics of Meat : A feminist- vegetarian critical theory, New York: cotinum, 1990, cf Singh, A.K, Buddhist attitude towards animals in early Buddhism, an unpublished thesis, Department of Buddhist studies, University of Delhi
3. Ibid

đồi núi hay nói cách khác, đô thị hóa và công nghiệp hóa với tốc độ đáng báo động đã gây nguy hiểm cho sự sống còn của đời sống hoang dã. Các cuộc khảo sát được thực hiện bởi các nhà bảo tồn sinh học cho thấy rõ rằng 10 - 40 % các loài động vật được biết đến trên hành tinh đang trong bờ vực tuyệt chủng. Các loài khác biệt như vẹt và rạn san hô thì bị bắt với hàng triệu đô la. Hầu hết trong số chúng chết trước khi đến nơi được bán¹. Những con voi châu Phi và các loài tê giác khác nhau đang gần tuyệt chủng khi chúng bị giết để lấy ngà và sừng². Ngay cả việc đánh bắt cá đại dương cũng nhiều đến nỗi số lượng của chúng đang suy giảm nhanh chóng. 80% rừng nguyên sinh đã bị khai thác buộc các động vật hoang dã thoát khỏi thói quen tự nhiên của chúng và tiến về phía các khu vực canh tác và môi trường sống của con người để tìm kiếm thức ăn và nước uống. Ở Ấn Độ, cứ ba ngày lại có tin tức về những động vật hoang dã như hổ, voi vào làng/ thị trấn nằm gần nơi cư trú tự nhiên của chúng. Việc liên tục vắt kiệt môi trường sống của động vật đã khiến chúng chết đói, bị giết hại trái pháp luật và những thách thức trong sinh sản.

Con người đã biến mình thành kẻ săn môi tàn nhẫn, trở thành loài không còn cân bằng tiến hóa với môi trường của nó. Hệ sinh thái giống như một trò chơi ghép hình khổng lồ³, mỗi sinh vật của cộng đồng sinh vật có những yêu cầu của cuộc sống đan xen với những sinh vật khác trong khu vực. Do đó, họ phát triển mối quan hệ lẫn nhau và phụ thuộc lẫn nhau. Hãy để tôi trích dẫn hai minh họa để hỗ trợ tranh luận: a. Cây yucca cung cấp thức ăn cho sâu bướm nhưng phụ thuộc vào sâu bướm để thụ tinh và duy trì⁴. b. Cây xanh thu năng lượng mặt trời và kết hợp nó với các nguyên liệu hóa học từ đất, nước và không khí. Thức ăn mà những cây này

-
1. Champ man, J.L and Reiss, M.J, Ecology- Principles and application , Cambridge University Press, Cambridge, 1995, p257
 2. Ibid, p257
 3. Champ man, J.L and Reiss, M.J, Ibid, p3
 4. Trevedi, R.P, etal, International Encyclopaedia of ecology and environment, vol.I:p13

tạo ra hỗ trợ tất cả đời sống động vật bao gồm cả sinh vật phân hủy, từ đó làm giàu đất để cây tái sử dụng¹ Tương tự như vậy, con người cũng là một phần của sinh quyển và phụ thuộc vào hoạt động liên tục của nó cho sự tồn tại và sống còn của anh ta. Không nên quên rằng một sự cố trong bất kì hệ thống sinh quyển nào sẽ làm mất đi sự sống còn của con người. Việc bảo tồn hệ sinh thái không chỉ vì lợi ích của các sinh vật khác mà là một phần của nhu cầu toàn cầu để bảo tồn sinh quyển như một hệ thống cho chúng ta và cho cả thế hệ con cháu của chúng ta có thể sinh sống.

Theo một báo cáo², nếu thế giới tiếp tục duy trì sự kìm kẹp của những vũng lầy này, chẳng mấy chốc, do khủng hoảng carbon - khí hậu kết hợp, hơn 100 triệu người sẽ chết vào năm 2030 và tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ bị cắt giảm 3,2% GDP. 5 triệu ca tử vong xảy ra mỗi năm do ô nhiễm không khí, đói và bệnh tật. Nếu thay đổi khí hậu và các nền kinh tế sử dụng nhiều carbon không được giám sát, sự thiệt hại có thể tăng lên 06 triệu mỗi năm vào năm 2030³. Kết quả là, as Meadows et al, trong báo cáo của họ (năm 1972) cho biết, ngày tận thế không còn xa”. Một cảnh báo tương tự được đưa ra bởi Liên minh Các nhà Khoa học Môi trường vào năm 1992 đối với nhân loại, con người và thế giới tự nhiên đang trong quá trình xung đột. Các hoạt động của con người gây ra thiệt hại khắc nghiệt không thể đảo ngược đối với môi trường và các tài nguyên quan trọng. Nếu không được kiểm tra, nhiều thực tiễn hiện tại có thể làm thay đổi thế giới sống đến mức nó sẽ không thể duy trì sự sống theo cách mà chúng ta biết⁴. Thông điệp rất rõ ràng.. Bản nos.1 to 11 (phụ lục) nêu bật cường độ và lực hấp dẫn của cuộc khủng hoảng mà nhân loại bị xiềng xích.

Những trường hợp nguy hiểm như vậy chính là sự tạo ra bởi

-
1. Ibid
 2. A report commissioned by 20 countries ,Hindustan Times reporting, New Delhi, September 27,2012,p. 12
 3. The report conducted by humanitarian organization DARA, Ibid.
 4. Eccles, B, op. cit.

sự thiển cận và lòng tham của chúng ta, và đạo đức, trách nhiệm thuộc về chính chúng ta - cá nhân và tập thể - để khôi phục và duy trì hành tinh Trái đất như là một nơi an toàn, an ninh và sạch sẽ để sinh sống, và để đảm bảo một môi trường thích hợp cho sự tồn tại, sinh sản và phát triển của tất cả các sinh vật trên Trái đất. Như chúng ta biết rằng, một bộ phận nhỏ của thế giới là các nhà khoa học, các nhà xã hội học, các nhà triết học, học giả, nhà hoạch định chính sách và các nhà hoạt động xã hội thì đã sẵn sàng tham gia vào việc làm cho con người trở nên nhạy cảm bằng cách truyền bá nhận thức và đề xuất các cách thức và phương tiện có thể để ngăn chặn sự tàn hoại và cứu vãn những thiệt hại. Nhưng mục tiêu này không thể đạt được nếu không có sự tham gia tích cực của từng thành phần trong xã hội. Tôn giáo như một thể chế với thẩm quyền đạo đức của nó có thể đóng vai trò là chất xúc tác trong việc khôi phục và duy trì sự trong sạch của môi trường, cân bằng sinh thái, hòa bình và hài hòa trên toàn cầu. Người ta không thể bỏ qua thực tế rằng hàng triệu và hàng tỷ người trên khắp thế giới lấy cảm hứng và sự chỉ dẫn từ đức tin và tôn giáo của họ. Ngay cả các chính trị gia, người truyền thông và phần lớn người dân tại các trường hợp trích dẫn từ phạm vi tôn giáo để hỗ trợ cho luận điểm của họ. Những gì được yêu cầu là xem xét lại các nguyên tắc và luật lệ của các tôn giáo khác nhau trong bối cảnh những yêu cầu của xã hội Chủ nghĩa hậu hiện đại.

Một số học giả chống lại những nỗ lực đó và cho rằng “việc đi sâu vào di sản văn hóa với mục tiêu tìm cảm hứng cho hiện tại có thể dẫn đến vô số hình ảnh đẹp nhưng giá trị của nó khó có thể được khẳng định là phù hợp với sự thật lịch sử và hiện thực”¹. Nó có thể đúng trong trường hợp những tôn giáo đó chỉ là phương tiện truyền bá thiên định. Tuy nhiên việc xem xét kỹ lưỡng các giáo lý và thực hành Phật giáo sẽ cho thấy điều đó không đúng trong

1. Nugteren, Albertina, The Conflict use of religion symbolism in Indian environmental Movements, Paper presented in xix World Congress of the international Association for the history of religion, held in Tokyo, 2005

trường hợp của Phật giáo. Phật giáo, như Hammalawa Saddhatissa¹ quả quyết rằng, “không công nhận sự mâu thuẫn giữa tôn giáo và khoa học vì đây là một sự ứng dụng tinh thần thực tế các nguyên tắc của khoa học. Ông ta nói thêm rằng vì nhận thức thực tế thay vì tranh chấp trừu tượng được mong đợi về một Tỳ kheo, đó là lý do tại sao có lẽ thần học không phát triển trong Phật giáo. Thakur cũng có cùng quan điểm: “... nó cần phải được khẳng định rằng chính sự phát biểu rõ ràng của Phật giáo về các vấn đề trên thế giới có thể là yếu tố quyết định cho sự thành công ngay lập tức và sự tiếp nhận ấn tượng của nó”². Rhys Davids: “Nếu đức Phật chỉ dạy triết học, có thể ông đã có một phần nhỏ như Comte”³ Không còn nghi ngờ gì nữa, các vấn đề trong thế giới hiện đại rất khác so với thời Phật, nhưng những giáo lý, nguyên tắc và nguyên lý cơ bản của Phật giáo vẫn phù hợp và có thể áp dụng như trong thời đức Phật. Phật giáo được tôn trọng rộng rãi vì những giá trị đạo đức từ bi và nhân đạo. Nó có tất cả những yếu tố để xử lý các tình huống khó xử của thế giới hiện đại một cách thẳng thắn. Nghiên cứu chuyên sâu về văn học Phật giáo làm sáng tỏ mối quan tâm của Phật giáo về một loạt các vấn đề liên quan đến xã hội, môi trường, hệ sinh thái và sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng (Thuyết Duyên khởi). Điều đó cho thấy đức Phật cách đây 2600 năm có thể tiên đoán trước được sự thoái hóa bởi hành vi lừa dối của con người và cũng có thể nhận thấy rằng hành vi đó, nếu không được sửa chữa, cuối cùng sẽ đưa loài người vào tình thế khó khăn: Tiến thoái lưỡng nan.

Trong văn học Phật giáo, có rất nhiều tài liệu tham khảo và câu chuyện làm nổi bật đạo đức sinh thái của đức Phật, khiến mối quan hệ giữa người và động vật trở nên hòa hợp và yêu thương, để con người và phi nhân có thể cùng tồn tại hạnh phúc mà không sợ

-
1. Saddhatissa, Hammalawa, Buddhist Ethics, Wisdom Publication, Boston, Massachusetts, P.17
 2. Thakur, V.K, Deforestation, Ecological Degradation and Buddhist Response in Early India: a Preliminary Inquiry, Proceedings of Indian History Congress 60th session , 1999, P.80
 3. Ibid

hãi và thù địch. Trong tổng số 550 câu chuyện về Jatakas, ít nhất một nửa trong số chúng (khoảng 225) đang có động vật là nhân vật chính của truyện, và 70 loài động vật đã tìm thấy một vị trí trong những câu chuyện này. Thông qua những nhân vật động vật này, sự khôn ngoan, lòng trắc ẩn và hành vi đạo đức được mong đợi của loài người đối với tất cả chúng sinh đã được nhấn mạnh.

Theo Phật, cũng như con người, tất cả những chúng sinh khác đều cảm nhận và đánh giá cao cảm nhận hạnh phúc và không thích nỗi đau, mặc dù mức độ cường độ và sự nhạy cảm có thể khác nhau. Karniya Mata Sutta¹ nói về lòng yêu thương đối với tất cả chúng sinh. Cả con người và động vật đều phản ứng nồng nhiệt với những người mà họ cảm thấy thân thiện với họ. Điều này được thể hiện trong các câu chuyện sau đây. Theo Nandi-Visala Jataka² điều này có liên quan đến một chú bò, chỉ khi chủ nhân ngừng sử dụng những từ ngữ gay gắt để bắt cuộc chú đưa anh ta đi, chú bò sẽ kéo 100 xe tải để giành chiến thắng cho chủ sở hữu của mình. Một lần khi đức Phật ở một mình, một con voi hoang dã và một con khỉ đã tham dự với ngài³. Thậm chí chú voi Nalagiri cáu kỉnh⁴ được đức Phật thuần hóa bằng những lời nói tử tế và từ bi. Vào một dịp khác, đức Phật nói rằng, lý do một nhà sư bị rắn cắn và chết là do anh ta không thể tỏa lòng tốt với con rắn⁵. Thông qua những câu chuyện như vậy, đức Phật đã cố gắng thuyết giảng rằng con người và động vật có thể sống hòa thuận với nhau nếu con người thể hiện lòng từ bi và lòng nhân ái đối với chúng.

Angutra Nikaya và Vinya Pitak đầy lòng trắc ẩn và lòng tốt đối với động vật, và thêm một chiều hướng mới cho mối quan hệ giữa con người với động vật bằng cách nêu bật lý thuyết về sự phụ thuộc lẫn nhau cho sự tồn tại và phát triển lẫn nhau của chúng,

1. Samyayutta Nikaya, vol IV, p 302
2. Nandi-Visala Jataka, JI, 191
3. Dhamma Padda, 158
4. Vinay II, 194 -96
5. Angutra Nikaya, II, 72-73

các nhà khoa học và môi trường học thì đang bàn luận về điều này. Nhiều câu truyện trong Jatakas giúp chúng ta đánh giá và phân tích sự phụ thuộc lẫn nhau trong bối cảnh rộng hơn và mối quan hệ rộng hơn. Ở Sasa Jataka, một con thỏ hiến xác cho Brahamana đói để lấy thức ăn, nhảy vào lửa do chính con thỏ chống chất. Avadanakalpalata nói về một con voi tự ném mình xuống một tảng đá trên sa mạc để giải cứu những du khách đang đói khát. Một con sư tử và một con voi hy sinh mạng sống của chúng để giải cứu nhiều người khỏi một con rồng. Tương tự, có rất nhiều câu chuyện kể về con người hy sinh xác thịt của mình để giữ cho động vật sống. Ở Jataka Mala, Suvarna prabhas và Avadana Kalplata có một câu chuyện về một phật tử ném mình¹. Trong thời gian hạn hán, Bodhisattva sẽ đảm bảo rằng không có động vật nào đi mà không có nước². Trong một câu chuyện khác, một lần Bồ tát ném thức ăn thừa của mình để nuôi cá và vì hành động từ bi đó, ngài đã được cứu khỏi một thảm họa³.

Trong vũ trụ học Phật giáo, con vật chiếm một vị trí quan trọng trong các phạm trù của con người, Thần và các dạng sống khác. Theo giáo lý về nghiệp và tái sinh, một con vật có thể có hình dạng giống nhau, hình dạng của các loài động vật khác nhau hoặc tiến đến trạng thái con người hoặc Thiên Chúa trong lần sinh tiếp theo. Theo truyền thống Phật giáo, con người có thể tái sinh thành động vật và ngược lại tùy theo nghiệp của mỗi người. Ở một trong những Jatakas⁴ có một câu chuyện về một Brahamana đã từng hy sinh một con dê làm quà cho vị thần. Vì hành động bạo lực và coi thường sự sống này, anh ta đã bị kết án 500 lần tái sinh thành một con dê.

Sự nhấn mạnh to lớn về Ahimsa (không bạo lực) là một biểu

1. Jataka, II, 423

2. Jataka II, 449-51

3. Jataka, II, 423

4. Jataka Tale XVIII, trans., Francis, H.T and Thomas, E.J, Cambridge University Press, 1916

hiện khác của nỗ lực của Phật giáo để có thái độ nhân văn đối với động vật. Không bạo lực hoặc ahimsa là chủ đề trung tâm của triết lý Phật giáo, có nghĩa là không gây ra bất kỳ sự khó chịu hoặc tổn thương nào cho những sinh vật khác trong suy nghĩ, lời nói và hành động. Nhiều câu chuyện Jakata khác nhau chứa đựng lời rao giảng rõ ràng về chủ đề của Ahimsa. Không làm tổn thương hay làm hại chúng sinh là giới luật đầu tiên trong Phật giáo (Không sát sanh). Ở Vinya Pitak, đức Phật tuyên bố, Tu sĩ, người đã thọ giới, không có ý định hủy hoại cuộc sống của bất kỳ sinh vật nào dù là loài sâu kiến¹ Hành vi đạo đức Phật giáo (Sila) được cấu trúc trong quan niệm rộng lớn về tình yêu và lòng từ bi phổ quát đối với tất cả chúng sanh và khái niệm Phật về Ahimsa là thành phẩm chính của Sila (Sil). Theo Phật giáo, sự hủy diệt hoặc làm tổn thương con người, động vật và thực vật liên quan đến tội lỗi. Đức Phật đặt nghề đồ tể, thợ săn, ngư dân vào loại nghề nghiệp bạo lực phải chịu hình phạt nặng. Một Phật tử không được ghét bất kỳ sinh vật nào và không nên giết chết một sinh vật ngay cả trong suy nghĩ².

Kinh Saganrama nói với chúng ta rằng nếu chúng ta ăn thịt của các sinh vật sống, chúng ta đang phá hủy hạt giống của lòng từ bi. Đức Phật cũng rất phê phán việc hy sinh. Hy sinh động vật để đạt được mục đích nào đó đã đặt ra một mối đe dọa nghiêm trọng đối với sự cân bằng hiện có giữa con người và phi nhân. Phản ứng của Phật giáo dưới hình thức bất bạo động nổi lên như một vị cứu tinh chính của tất cả các loại sự sống. Những câu chuyện của Jataka chứa đầy những trường hợp mà việc hy sinh các sinh vật bị cấm. Trong Kutadanta Sutta có một tài liệu tham khảo về một sự hy sinh mà chính đức Phật đã thực hiện cho một vị vua trong kiếp trước. Trong buổi lễ này, không có con vật nào bị giết, không có cây nào bị đốn hạ để làm vật hiến tế, không có lao động cưỡng bức

1. Mahavagga, I.78 in Vinay Text ,trans, Rhys Davids,TW,Oldenberg , Motilal Banarasi Das, 1974; Sacred Books of the East XVII, 30;XX 128
2. Hardayal, The Bodhisattva doctrine in Buddhist Sanskrit Literature, London: Keganal Paul 1931,197

nào được sử dụng làm trợ giúp và các vật phẩm cúng dường là các sản phẩm như bơ và mật ong. Đức Phật không chỉ lên án sự hiến tế động vật mà còn trình bày một mô hình thay thế thực hiện sự hy sinh.

Đức Phật đã cho thấy mối quan tâm của mình đối với các loài bị biến mất. Một câu thơ trong Khuddakapatha như: Hãy quay trở lại trên lưng con hổ vào rừng, để cánh rừng không bị san bằng. Không có bạn, riu sẽ được hạ thấp, bạn không có riu mãi mãi không còn vô gia cư¹. Nó cho thấy rằng, Đức Phật, từ 2600 năm trước, có thể lường trước nguy cơ biến mất dần dần của các loài khác nhau. Do đó, ngài khuyên bảo vệ động vật và môi trường sống của chúng ta, và không phá rừng.

Đức Phật qua tâm cả việc không được hủy hoại sự sống của người và động vật lẫn thực vật. Trong Vinaya Pitak² có một tài liệu tham khảo rằng các nhà sư đã ngừng du hành trong mùa mưa bởi để tránh giẫm lên các loại thảo mộc xanh, làm tổn thương cuộc sống thực vật và phá hủy cuộc sống của nhiều sinh vật nhỏ. Tình yêu của đức Phật đối với hệ thực vật thể hiện rõ từ thực tế rằng thiên nhiên đã là nhân chứng cho mọi sự kiện quan trọng trong cuộc đời của ngài, ngay từ khi sinh ra đến khi nhập Niết bàn. Ngài được sinh ra trong rừng Lumbini dưới cây Sala, rời cung điện và thay áo choàng bên bờ sông Rohini, nói lời tạm biệt với con ngựa của mình, Kantak, và Sarthi, Chena; ngồi thiền dưới cây bồ đề và ăn cháo sữa (Khshir) được lấy từ Sujata và tắm ở sông Naranjara; thành đạo dưới cây Bồ đề; thuyết bài Pháp đầu tiên ở vườn Nai; và Niết bàn tại Kushinara trong khu rừng Sala. Với Buddha, con người hoàn hảo là một người tiết chế gây tổn thương cho đời sống thực vật và động vật³.

1. Khuddakapatha, London pali text cf Chatsumarn, Kabil Singh , Buddhist view on nature, Engaged Buddhism, ed., Arnold Kotler, Prallax Press, Barkley, p.65
2. Mahavagga in Vinaya Text, III, I.I
3. The Book of Gradual Sayings, II, 222; Pacttyanos 10 and 11

Đức Phật đã nhìn nhận đầy đủ về sự cần thiết phải bảo tồn sinh thái. Đó là lý do mà các công trình xây dựng công viên và khu vui chơi cho công chúng đã được xác định trong truyền thống Phật giáo như là một nguồn quan trọng để đạt được công đức¹. Đức Phật cũng đã đặt ra một số quy tắc nhất định để bảo tồn nguồn nước và bảo các đệ tử của mình phải kiểm chế không làm ô nhiễm nguồn nước. Không chỉ vậy, Ngài còn đặt ra các hướng dẫn xây dựng nhà vệ sinh và giếng nước.

Nói tóm lại, kinh điển Phật giáo thường có các tài liệu tham khảo về các biện pháp phòng ngừa khác nhau để giữ cho môi trường sạch sẽ bằng cách tránh ô nhiễm nước; bào mòn bề mặt Trái đất bằng cách chặt cây bừa bãi; xử lý những phế thải và những đồ lãng phí khác.... Chúng tôi cũng tìm thấy các đề xuất và minh họa về các hành động khắc phục để đảm bảo nơi ở an toàn cũng như đảm bảo đầy đủ thức ăn và nước uống cho tất cả các sinh vật bao gồm các vi sinh vật. Đức Phật nhiều lần nhấn mạnh rằng cần phải giữ gìn cân bằng sinh thái và con người nên tuân theo nguyên tắc sống và hãy sống. Hệ thực vật và động vật có nhiều quyền sống như con người. Nếu chúng ta kết hợp các nguyên lý, nguyên tắc, hệ thống đạo đức, thực tiễn và mối quan tâm của Phật giáo, chúng ta có thể nhận thức rõ ràng rằng theo Triết học Phật giáo, trung tâm Trái đất là trung tâm sinh thái, chống lại bản chất lấy con người làm trung tâm trong trật tự xã hội hậu hiện đại. Tóm lại, hành tinh Trái đất và những tài nguyên sẽ được chia sẻ bởi tất cả các sinh vật thay vì độc quyền bởi con người.

Trái ngược với kinh tế học hiện đại, nền kinh tế Phật giáo dựa trên các nguồn tài nguyên tái chế. Theo Phật giáo, tăng trưởng và tiêu thụ vô hạn là không bền vững và có khả năng gây ra thảm họa. Phương pháp tiếp cận kinh tế của đức Phật là tăng trưởng chỉ tốt khi ở mức đủ. Đối với Phật giáo, sự hài lòng về vật chất chỉ đơn thuần cung cấp một điểm khởi đầu cho việc theo đuổi các mục

1. The Jatakas, vol,1 , ed. by fousboll,7 vols,London,1977-97

tiêu cao hơn. Trong Phật giáo, sự tăng trưởng và vật chất, phúc lợi không phải là kẻ thù mà là đồng minh tự nhiên. Một quan điểm của Phật giáo về phát triển kinh tế tránh chủ nghĩa bành trướng. Nền kinh tế Phật giáo, như Sarao nói¹, được dựa trên hạnh phúc và phúc lợi của số lượng người tối đa và cách tiếp cận kinh tế của Phật giáo tạo nên sự khác biệt có ý nghĩa giữa sự khốn khổ, sự đầy đủ và sự bế tắc.

Các giáo lý Phật giáo nhằm loại bỏ đau khổ (dukha) khỏi cuộc sống của các cá nhân cũng như toàn xã hội. Giống như một bác sĩ dày dặn kinh nghiệm, đức Phật bắt đầu việc xác định và chẩn đoán bệnh - đau khổ. Một trong các yếu tố gây ra đau khổ được xác định, đức Phật cung cấp toa thuốc. Ngài xác định lòng tham (lobh), hận thù (dwesh) và ảo ảnh (moha) là nguyên nhân gốc rễ của tất cả các bệnh tật và đau khổ của xã hội và các thành phần của nó. Tất cả các hành động vô đạo đức mọc lên từ sự tham lam, thù hận và tham ái. Theo một câu thơ của Dhammapada, không có lửa như dục vọng, không kìm kẹp như ghét, không có lưới như si mê, không có dòng sông như tham ái². Ở Digha Nikaya, một mô tả chi tiết được tìm thấy về việc con người đã hạnh phúc như thế nào trước khi hành vi của anh ta trở nên tham lam, thù hận và ảo tưởng. Nếu sự tham lam, thù hận và ảo tưởng được kiểm soát và giám sát, cuộc sống trên Trái đất sẽ an toàn, hòa bình, hài hòa và tiến bộ. Tình yêu rộng lớn (Metta), Từ bi (Karuna), Niềm vui chan hòa (Mudita), và sự Điềm tĩnh (Upekkha), bốn tình cảm của Phật giáo, vượt ra ngoài giới hạn của thời gian, không gian và giai cấp. Việc áp dụng những điều này có thể phá vỡ mọi rào cản về màu sắc, đẳng cấp và tín ngưỡng chịu trách nhiệm cho sự phân chia không tự nhiên của xã hội. Những nguyên lý của Phật giáo có thể đóng vai trò là liều thuốc giải độc cho lòng tham, sự thù hận và ảo tưởng của con người. Việc áp dụng hệ thống đạo đức Phật giáo sẽ cho phép

1. Sarao, K,T,S ,Buddhism and Consumer ethics, A paper presented in a SSARC writers conference, Buddha as a peace maker in post-modern saarc ,held in New Delhi, 2009

2. Dhammapada, Verse 251

chúng ta nỗ lực xây dựng xã hội thân thiện lành mạnh, nhân ái và sinh quyển.

Từ các cuộc thảo luận nói trên rằng Phật giáo mang tất cả những hiểu biết và giải pháp áp dụng cho các vũng lầy của xã hội công dân hậu hiện đại. Các cá nhân và thành viên Phật giáo nỗ lực đáng khen ngợi trong các lĩnh vực của họ bằng cách giải quyết cụ thể một số vấn đề toàn cầu liên quan đến hòa bình thế giới, môi trường toàn cầu và khủng bố. Chẳng hạn, một nhóm các nhà sư Phật giáo của Thái Lan, được gọi là các nhà sư sinh thái, đang tham gia vào dự án bảo tồn sinh thái. Họ dạy các thực hành sinh thái thân thiện cho nông dân Thái Lan. Tương tự như vậy, các tu viện Phật giáo Tây Tạng đang làm một công việc đáng trân trọng là bảo tồn báo tuyết. Tuy nhiên, số lượng của những nỗ lực này còn khá nhỏ nhoi so với kích thước và sức mạnh của con quỷ ẩn nấp đối đầu với loài người. Nhu cầu của ngày hôm nay là tất cả những nhà khoa học, nghệ sĩ, triết gia, cơ quan chính phủ, NGOs, các nhà truyền giáo và cá nhân hoặc nhóm cá nhân Tôn giáo hành động nhanh chóng và đoàn kết theo cách phối hợp để giải phóng xã hội dân sự hậu hiện đại khỏi những vũng lầy đau đớn. C.Kabil Singh¹ quan sát một cách đúng đắn: “Nếu chúng ta không thể trao một thế giới tốt hơn cho thế hệ tương lai, thì có thể bù đắp bằng bằng việc thế hệ tương lai có ít nhất một thế giới xanh để sống như chúng ta.” Và Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã nói rằng những thực hành chánh niệm này là liều thuốc phù hợp với thời đại chúng ta. Do đó, các học thuyết và thực hành Phật giáo có thể đóng vai trò là một sự khởi đầu cho các chính sách và kế hoạch hành động tập trung vào công bằng và phát triển trung tâm Trái đất.

Các nguyên lý, phương hướng và thực hành của Phật giáo không chỉ cung cấp các quy định cơ bản để điều trị các vũng lầy của xã hội dân sự hậu hiện đại mà còn là một hướng dẫn để

1. Chatsumarn, Kabil Singh, *Buddhism and Nature Conservation* Thammasat University Press, Bangkok, 1998. P144.

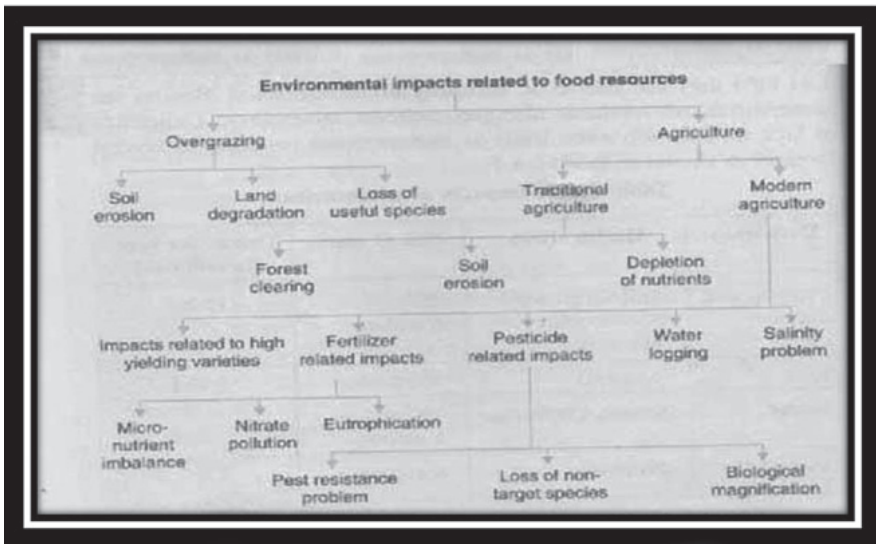
thúc đẩy văn hóa toàn cầu nhân văn, công bằng, lành mạnh và hài hòa.

Cuối cùng, tôi muốn kết thúc cuộc thảo luận của mình với quan điểm “thắng lợi tạo ra thù hận, thất bại tạo ra đau khổ, người khôn ngoan không bao giờ mong muốn chiến thắng hay thất bại. Sự tức giận tạo ra sự tức giận. Kẻ giết người sẽ bị giết trả thù và có thể vượt qua bằng cách từ bỏ trả thù”. Phật giáo có nghĩa là, trọn vẹn lòng từ bi, phổ quát, khoan dung, bất bạo động, chủ nghĩa nhân văn và giác ngộ. Một cam kết trung thực với các nguyên tắc này sẽ đảm bảo có được các giải pháp khả thi cho các vũng lầy của xã hội hậu hiện đại.

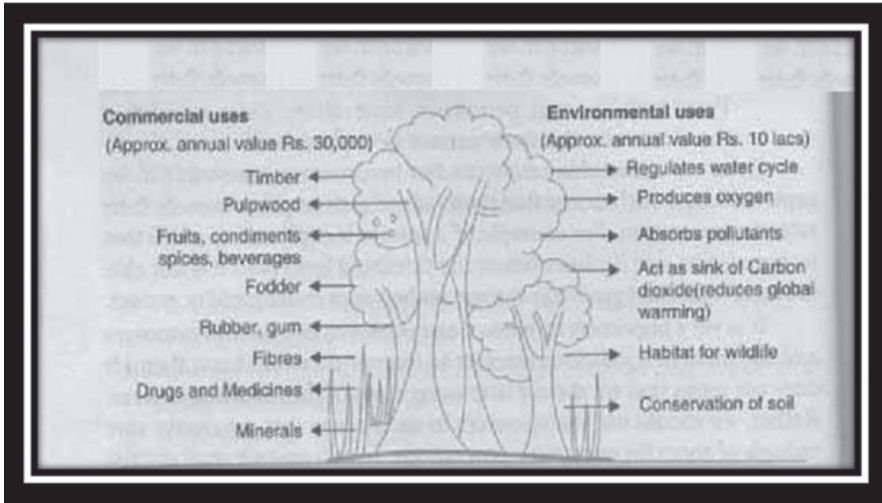
Deficiency	Health effect	No. of cases	Deaths per year (in millions)
Proteins and Calories	Stunted growth, Kwashiorkor, Marasmus	750 million	15-20
Iron	Anaemia	350 million	0.75-1
Iodine	Goitre, Cretinism	150 million, 6 million	
Vitamin A	Blindness	6 million	

■ WORLD FOOD PROBLEMS

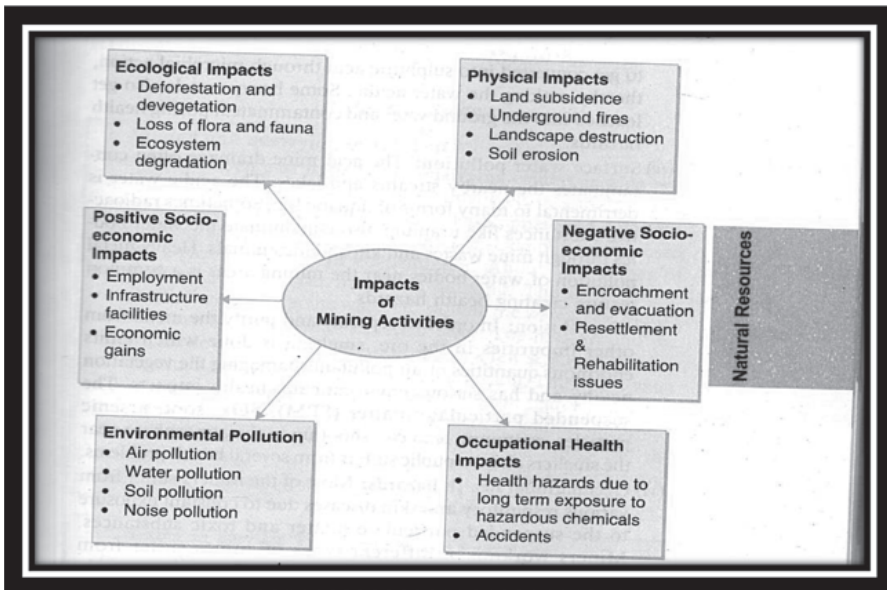
Bảng 1: Ảnh hưởng của suy dinh dưỡng



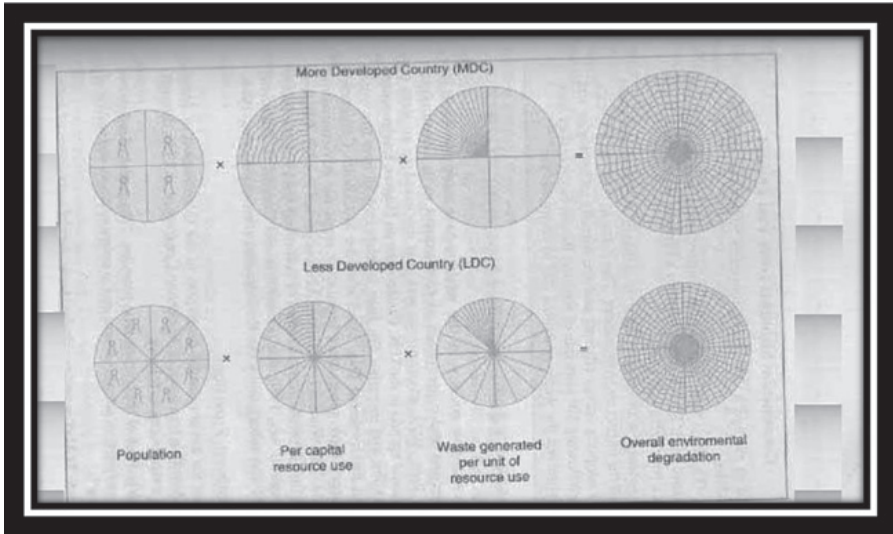
Bảng 2: Tác động của chăn nuôi và nông nghiệp quá mức



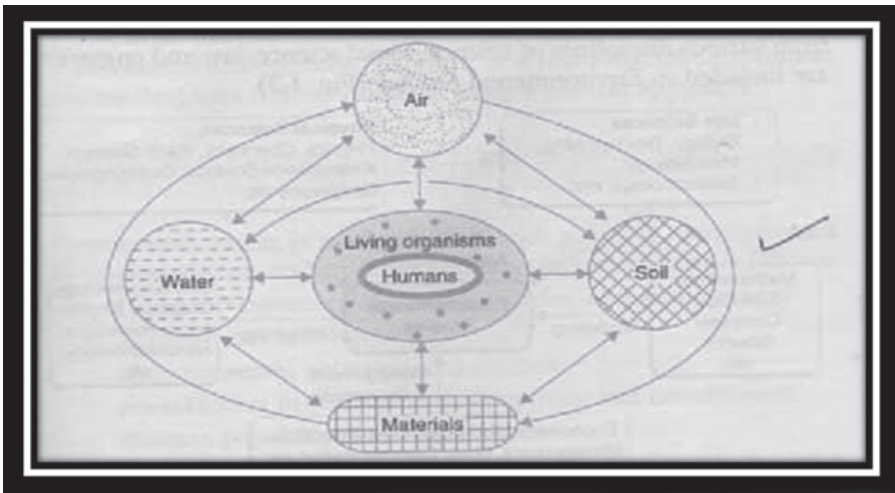
Bảng 3: So sánh giữa giá trị kinh tế và giá trị môi trường của rừng



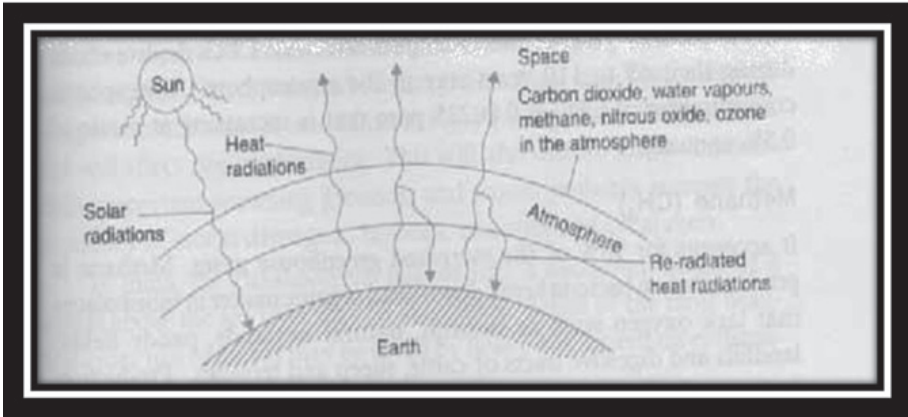
Bảng 4: Tác động của hoạt động khai thác khoáng sản



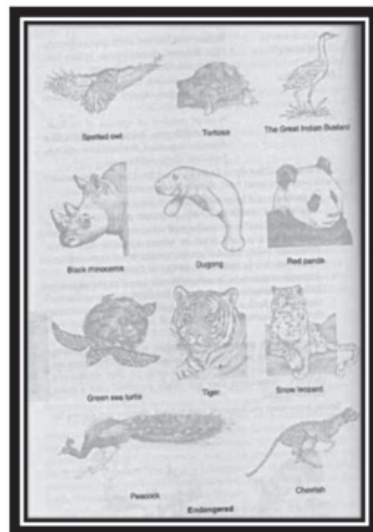
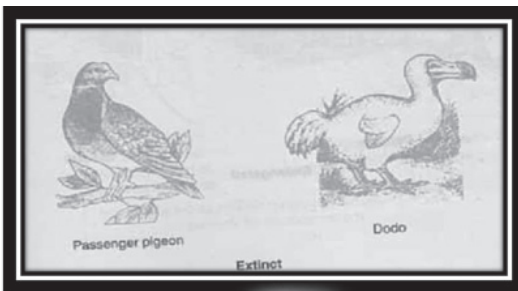
Bảng 5: Mối tương quan giữa dân số, chủ nghĩa tiêu dùng, sản sinh chất thải và tác động môi trường



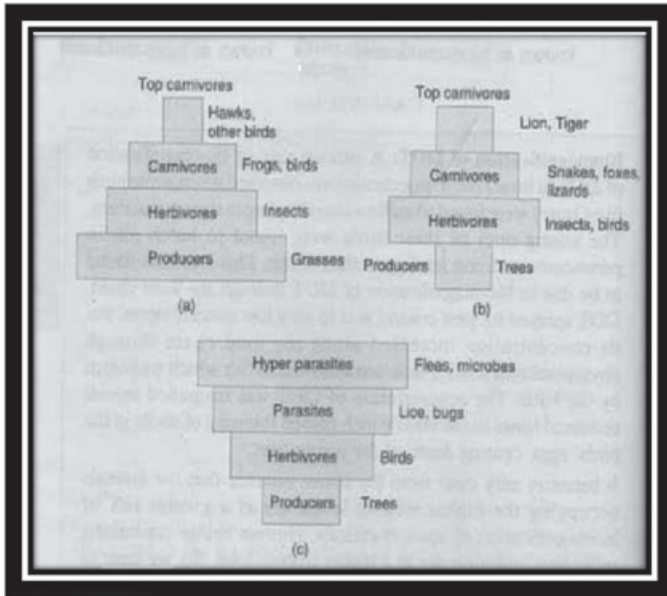
Bảng 6: Không khí, nước, đất, sinh vật và vật chất xung quanh chúng ta và sự tương tác của chúng với nhau tạo thành môi trường



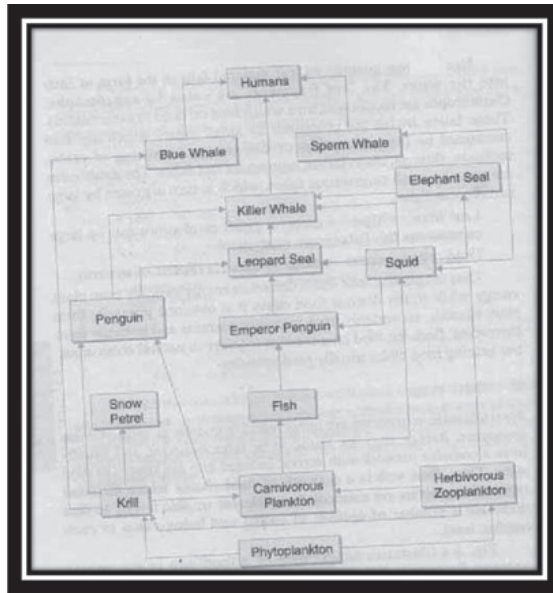
Bảng 7: Hiệu ứng nhà kính



Bảng 8-9: Một số loài động vật Ấn Độ tuyệt chủng và có nguy cơ tuyệt chủng



Bảng 10: Kim tự tháp số liệu:
a) đồng cỏ, b) rừng, c) chuỗi thức ăn ký sinh



Bảng 11: Mạng lưới thức ăn trong hệ sinh thái Nam Cực

Nguồn: Kaushik, Anubha and Kaushik, C.P, Perspectives in Environmental studies (Third Edition), New Age International Publishers, New Delhi, 2008.